

và Nhà nước đối với những cán bộ, công nhân, viên chức, quân nhân về hưu, mất sức lao động cư trú ở các nông trường.

— Dự trữ cấp phát tem phiếu lương thực, thực phẩm và hàng hóa phân phối cho người về hưu, mất sức lao động sống với gia đình và những người sống một mình, không ở hộ tập thể.

— Cấp phát trợ cấp hàng quý đúng kỳ, đủ số và tận tay người lĩnh. Trường hợp chưa đủ điều kiện đảm bảo thì phối hợp với nông trường giải quyết tốt việc cấp phát, tránh mất mát.

— Thành lập các tổ hưu trí, mất sức lao động và giúp đỡ các tổ này hoạt động thiết thực.

— Phối hợp với nông trường bố trí việc ăn, ở, học tập chính trị, thời sự, chính sách và hướng dẫn, giúp đỡ anh chị em tăng gia sản xuất để cải thiện đời sống và góp phần vào việc phục vụ cho lợi ích xây dựng nông trường, đồng thời ngăn ngừa những việc vi phạm chính sách của một số anh chị em.

— Đi sát giúp đỡ những người đời sống có khó khăn, kể cả việc đề xuất với tỉnh trợ cấp khó khăn cho anh chị em khi cần thiết.

Phòng thương binh xã hội huyện cần phối hợp với Phòng y tế huyện cung cấp số liệu những người về hưu, mất sức lao động cư trú ở nông trường cho bệnh viện, bệnh xá của nông trường đề dự trữ kinh phí chữa bệnh, khám bệnh cho anh chị em.

Đề có điều kiện làm tốt những công tác trên đây, ở mỗi nông trường và Ủy ban hành chính thị trấn cần phân công một cán bộ phụ trách và phối hợp chặt chẽ để làm tốt công tác quản lý đời sống người về hưu, mất sức lao động cư trú ở nông trường.

Các Ban thương binh xã hội tỉnh, thành và các Ty nông trường cần phối hợp chặt chẽ, đi sát giúp đỡ các nông trường, các Phòng thương binh xã hội huyện, các Ủy ban hành chính thị trấn nông trường làm tốt những công tác trên đây.

Trong khi thực hiện những quy định trên đây, nếu có những khó khăn, mắc mứu, đề nghị Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phản ánh kịp thời cho liên Bộ biết để góp ý giải quyết.

Hà-nội, ngày 30 tháng 10 năm 1970

K.T. Bộ trưởng Bộ Nông trường

Thứ trưởng
LÊ XUÂN TÀI

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thứ trưởng
LÊ TẤT ĐẮC

LIÊN BỘ TÀI CHÍNH—
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM

THÔNG TƯ LIÊN BỘ số 446-TC/LB
ngày 12-12-1970 bổ sung thông tư
liên Bộ số 22-TT/LB ngày 14-1-1970
về cấp phát và cho vay vốn xây
dựng cơ bản đối với xí nghiệp công
ngiệp quốc doanh địa phương và
hướng dẫn việc cho vay vốn để mua
sắm phương tiện vận tải của các
địa phương.

Thi hành quyết định số 28-TTg/TN ngày 19-3-1969 của Thủ tướng Chính phủ về cấp phát và cho vay vốn xây dựng cơ bản và vốn lưu động đối với xí nghiệp công nghiệp quốc doanh địa phương, liên Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt-nam đã có thông tư hướng dẫn số 22-TT/LB ngày 14-1-1970 về cấp phát và cho vay vốn xây dựng cơ bản.

Từ đầu năm đến nay, một số địa phương đã được vay của Ngân hàng Nhà nước để mở rộng hoặc xây dựng mới một số cơ sở sản xuất công nghiệp quốc doanh của địa phương.

Đề đầy mạnh hơn nữa việc phát triển kinh tế địa phương, việc đầu tư vốn kiến thiết cơ bản chẳng những phải dựa vào nguồn vốn xây dựng cơ bản tự có do ngân sách địa phương đảm bảo và vốn xây dựng cơ bản do ngân sách trung ương trợ cấp theo những nguyên tắc đã được quy định trong nghị định số 118-CP ngày 1-8-1967 của Hội đồng Chính phủ về phân cấp quản lý tài chính, mà còn phải tích cực sử dụng nguồn vốn cho vay của Ngân hàng Nhà nước.

Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt-nam nhận thấy là cần nâng mức vốn cho vay công nghiệp lên 300.000đ, đồng thời mở rộng đối tượng cho vay vốn của Ngân hàng Nhà nước đến các Công ty vận tải địa phương để mua sắm phương tiện vận tải theo yêu cầu cần thiết, cụ thể là:

1. Đối tượng được vay dài hạn của Ngân hàng Nhà nước để phát triển công nghiệp đã được nêu rõ trong thông tư liên Bộ số 22-TT/LB ngày 14-1-1970.

Về vay để mua sắm mới phương tiện vận tải, nay quy định là các công ty vận tải ở các địa phương, hạch toán kinh tế độc lập, vay vốn để mua sắm mới các loại ô-tô vận chuyển hàng hóa, ô-tô hoặc tàu và ca-nô chở hành khách (dưới đây đều gọi chung là phương tiện vận tải).

2. Mức cho vay :

— Đối với xí nghiệp công nghiệp địa phương, mức cho vay nâng lên có thể đến 300.000 đồng, là tính riêng cho mỗi công trình.

— Đối với các công ty vận tải địa phương, căn cứ vào nhu cầu phát triển vận tải của địa phương, khả năng cung cấp phương tiện của Nhà nước, khả năng cung cấp vốn của ngân sách địa phương và khả năng vốn tự có của công ty mà Ngân hàng quyết định mức cho vay cụ thể.

3. Nguồn vốn cho vay: Hằng năm, Ngân hàng Nhà nước Việt-nam căn cứ vào chỉ tiêu của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phân phối phương tiện vận tải cho các địa phương và chỉ tiêu xây dựng cơ bản các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh của địa phương mà dự tính kế hoạch vốn cho vay trong năm đó. Bộ Tài chính chuyển vốn theo kế hoạch vào đầu mỗi quý, sang cho Ngân hàng Nhà nước Việt-nam.

4. Về thủ tục cho vay: Thi hành đúng như đã hướng dẫn trước đây về cho vay đối với các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh địa phương.

5. Thời hạn và lợi suất tín dụng: Các công ty vận tải địa phương vay vốn Ngân hàng Nhà nước để mua sắm mới phương tiện vận tải như nói ở điểm 1 trên, phải trả nợ cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 3 năm, cá biệt có thể kéo dài hơn nhưng tối đa không quá 5 năm, kể từ ngày vay vốn; lợi suất hằng năm phải trả là 2,16% (0,18% một tháng).

6. Nguồn vốn để trả nợ và lãi vay dài hạn để mua sắm phương tiện vận tải, cũng thi hành đúng như quyết định số 28-TTg ngày 19-3-1969 của Thủ tướng Chính phủ và thông tư liên Bộ số 22-TT/LB ngày 14-1-1970.

Đến cuối năm, Ngân hàng Nhà nước Việt-nam sẽ chuyển nộp số vốn thu hồi được về cho vay dài hạn xây dựng cơ bản, mở rộng sản xuất công nghiệp quốc doanh địa phương và công ty vận tải địa phương vào ngân sách Nhà nước trung ương.

Thông tư liên Bộ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1-1-1971.

Trong quá trình thi hành, nếu có gì mắc mứu, khó khăn, yêu cầu các địa phương kịp thời báo cáo về liên Bộ để nghiên cứu cách giải quyết.

Hà-nội, ngày 12 tháng 12 năm 1970

Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam
TẠ HOÀNG CƠ

Bộ trưởng Bộ Tài chính
ĐẶNG VIỆT CHÂU

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH số 425 - TC/CĐKT ngày 14-12-1970 ban hành «Hệ thống tài khoản kế toán thống nhất».

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ nghị định số 197 - CP ngày 7 tháng 11 năm 1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước ban hành theo nghị định số 175 - CP ngày 28 tháng 10 năm 1961 của Hội đồng Chính phủ

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành «Hệ thống tài khoản kế toán thống nhất» kèm theo quyết định này áp dụng chung cho tất cả các đơn vị thuộc các ngành sản xuất và kinh doanh do trung ương quản lý, không phân biệt tính chất và quy mô của đơn vị.

Điều 2. — Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán thống nhất, các Bộ và Tổng cục có trách nhiệm ban hành; sau khi đã được sự đồng ý của Bộ Tài chính, các quy định cụ thể về nội dung và cách thức vận dụng cũng như thời điểm thi hành thích hợp với tình hình và đặc điểm của từng ngành sản xuất và kinh doanh thuộc Bộ và Tổng cục quản lý.

Điều 3. — Các quy định về hệ thống tài khoản trong các chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. — Các ông Chánh văn phòng và Vụ trưởng Vụ chế độ kế toán chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 14 tháng 12 năm 1970

Bộ trưởng Bộ Tài chính
ĐẶNG VIỆT CHÂU